

## MUA

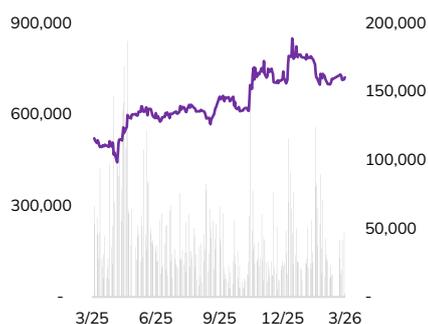
Phạm Hồng Trường

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Vật liệu Xây dựng
Ngày báo cáo	: 05/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 151.400
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 183.200
Tỷ lệ tăng (%)	: 21,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 12.402
SLCPLH (CP)	: 81.860.938

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-27,6%	22,2%
Tăng trưởng LNST (%)	-10,1%	13,2%
Biên LNG (%)	42,9%	47,0%
Biên LNST (%)	21,9%	20,3%
ROA (%)	30,7%	37,4%
ROE (%)	36,8%	44,0%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,02	0,02
EPS (VND/CP)	2.821	3.193
BVPS (VND/CP)	33.004	35.151

Nguồn: BMP, ABS Research

## Lượng tiêu thụ tích cực &amp; giá NVL thấp thúc đẩy tăng trưởng

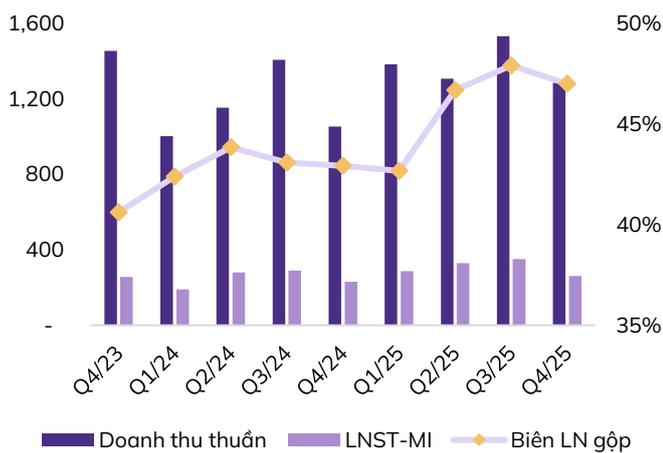
- KQKD Q4/2025 sụt giảm so với mức nền cao Q3 nhưng vẫn tăng trưởng svck.
  - Trong Q4/2025, doanh thu thuần của BMP đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+22% svck và -16% QoQ). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ đạt 261 tỷ đồng, tăng 13% so với Q4/2024 nhưng giảm 26% so với Q3/2025 khi Q3 ghi nhận mức nền lợi nhuận cao kỷ lục của BMP.
  - Doanh thu Q4/2025 tăng trưởng so với cùng kỳ nhờ sản lượng tiêu thụ tiếp tục tích cực, đạt hơn 22 nghìn tấn (+23% svck) khi hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh giai đoạn cuối năm cũng như thị trường BĐS tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, doanh thu Q4/2025 giảm so với mức nền cao của Q3/2025 do thay đổi chính sách chiết khấu, cụ thể chi phí chiết khấu (ghi nhận tại chi phí BH&QLDN và chi phí tài chính) giảm 17% QoQ nhưng tăng 71% svck. Tỷ lệ chiết khấu trên doanh thu giảm nhẹ xuống mức 15,2% trong Q4/2025 (so với mức 15,3% trong Q3/2025), nhưng tăng so với mức 10,8% Q4/2024.
  - Biên lợi nhuận gộp (LNG) tăng svck nhưng giảm so với quý trước. Biên LNG trong quý đạt 47%, tăng so với mức 42,9% của Q4/2024 nhưng giảm so với mức 47,9% của Q3/2025. Mặc dù đây vẫn là mức biên LNG cao thứ hai trong lịch sử của BMP (nhờ hỗ trợ bởi giá nguyên vật liệu PVC duy trì đà giảm), nhưng tăng so với quý trước có thể do giá vốn trên mỗi sản phẩm gia tăng khi tổng doanh thu giảm.
  - Chi phí bán hàng và QLDN (loại trừ chi phí chiết khấu) trong Q4/2025 đã tăng mạnh 52% svck và 24% QoQ do chi phí đóng gói và thuê ngoài tăng cao.
- Lợi nhuận năm 2025 ghi nhận mức cao nhất trong lịch sử.
  - Doanh thu năm 2025 của BMP đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (+19% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (+24% svck). Như vậy, BMP vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2025 lần lượt là 4% và 16%.
  - Sản lượng ống nhựa tiêu thụ năm 2025 của BMP đạt hơn 93 nghìn tấn (+21% svck) như những nguyên nhân đã đề cập ở trên như thị trường BĐS tiếp tục tăng trưởng, hoạt động giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh và đẩy mạnh hơn chính sách chiết khấu để gia tăng thị phần.
  - Tổng chi phí chiết khấu năm 2025 (bao gồm chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và chi cho hệ thống phân phối) ở mức hơn 805 tỷ đồng (+40% svck), chiếm 14,6% doanh thu (tăng so với mức 12,4% của năm 2024).
  - Biên LNG năm 2025 ở mức 46,1%, tăng 3 điểm % so với năm 2024 chủ yếu nhờ giá nguyên vật liệu đầu vào PVC (chiếm ~65% chi phí sản xuất) duy trì đà giảm, trung bình cả năm ở mức gần 700 USD/tấn (-14,2% svck). Nguyên nhân đến từ lượng tồn kho PVC thương mại ở Trung Quốc ở mức cao, công suất liên tục mở rộng, nhu cầu tiêu thụ hạn chế bởi thị trường BĐS ảm đạm.
  - Doanh thu tài chính cũng tăng mạnh 30% svck, đạt 102 tỷ đồng, chủ yếu nhờ khoản lãi tiền gửi và cho vay tăng mạnh trong năm.

## KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 VÀ NĂM 2025

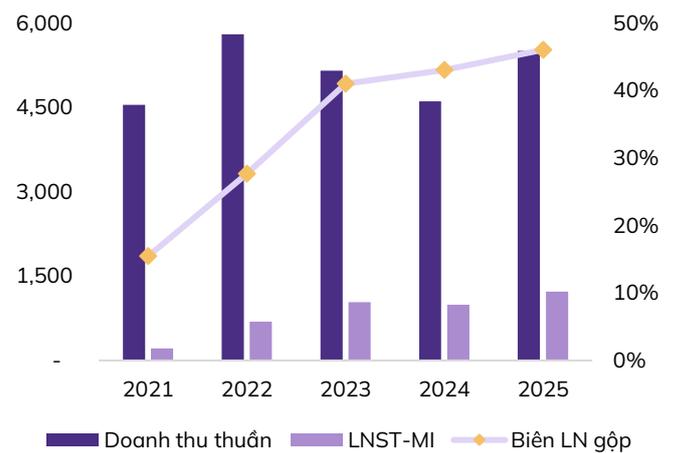
Chỉ tiêu	4Q2024	4Q2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	1.053	1.286	22,2%	4.616	5.510	19,4%
Lợi nhuận gộp	452	604	33,7%	1.989	2.540	27,7%
Biên LN gộp (%)	42,9%	47,0%		43,1%	46,1%	
Chi phí BH & QLDN	(156)	(234)	50,3%	(676)	(877)	29,8%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	14,8%	18,2%		14,6%	15,9%	
Doanh thu tài chính	23	29	28,9%	79	102	29,8%
Chi phí tài chính	(30)	(74)	145,7%	(162)	(231)	42,5%
Chi phí lãi vay	(0,0)	(0,0)	-6,7%	(0,02)	(0,01)	-33,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	289	326	12,9%	1.229	1.535	24,9%
Lợi nhuận trước thuế	291	328	12,9%	1.241	1.539	24,1%
<b>LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>231</b>	<b>261</b>	<b>13,2%</b>	<b>991</b>	<b>1.229</b>	<b>24,0%</b>
Biên LN ròng (%)	21,9%	20,3%		21,5%	22,3%	

Nguồn: BMP, ABS Research

KQKD theo quý của BMP (tỷ VND)

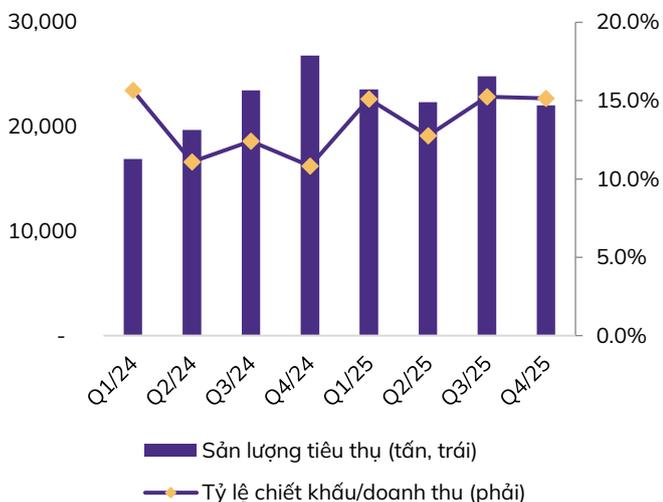


KQKD giai đoạn 2021 – 2025 của BMP (tỷ VND)

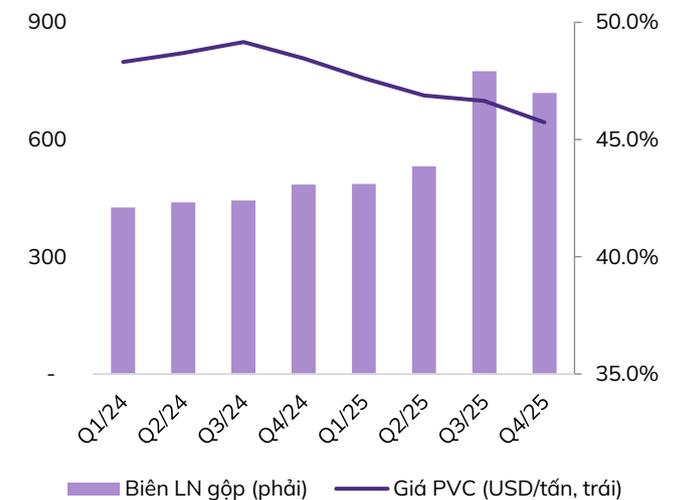


Nguồn: BMP, ABS Research

Sản lượng tiêu thụ và tỷ lệ chiết khấu/doanh thu



Biên lợi nhuận gộp BMP so với giá nhựa PVC đầu vào

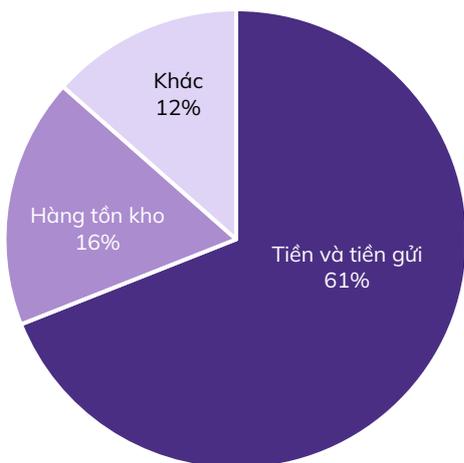


Nguồn: Bloomberg, BMP, ABS Research

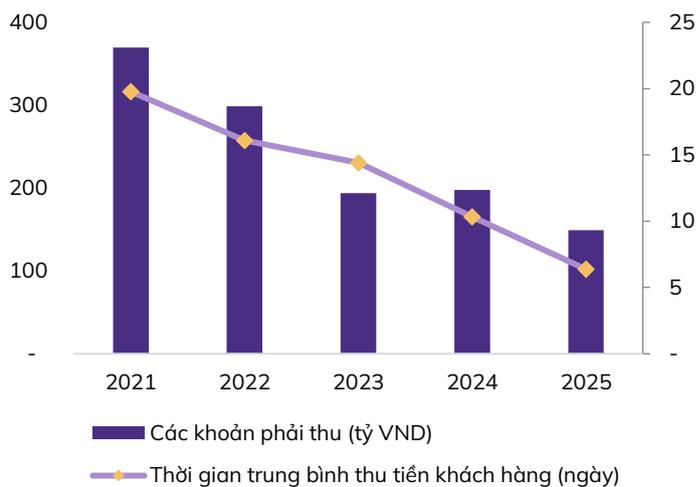
- **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền cao, nợ vay ở mức thấp.**

- **Lượng tiền duy trì ở mức cao.** Tại thời điểm cuối năm 2025, lượng tiền của BMP (bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) ở mức gần 2,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 61% tổng tài sản, tăng 7,5% so với thời điểm cuối năm 2024). BMP thường xuyên duy trì lượng tiền lớn nhờ hoạt động kinh doanh ổn định, dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh thường ở mức dương cao.
- **Khoản phải thu khách hàng có xu hướng hàng giảm.** Trong các năm gần đây, tỷ lệ khoản phải thu/doanh thu của BMP liên tục giảm và ở mức thấp hơn so với trung bình toàn ngành, thời gian trung bình thu tiền khách hàng cũng ở mức thấp. Tại thời điểm cuối năm 2025, tỷ lệ phải thu/doanh thu thuần ở mức 0,03 lần; thời gian thu tiền khách hàng khoảng 6 ngày (tiếp tục giảm so với mức 10 ngày cuối năm 2024). Vòng quay hàng tồn kho của BMP cũng thường xuyên ở mức lớn hơn các công ty trong ngành. Điều này đến từ chính sách bán hàng hợp lý của BMP khi (i) yêu cầu khách hàng thanh toán sớm để được hưởng chiết khấu cao; (ii) thực hiện bán hàng qua các kênh phân phối, ít phụ thuộc vào khách hàng dự án hoặc các nhà thầu xây dựng, (iii) vị thế đầu ngành tại khu vực phía Nam giúp đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và vị thế bán hàng.
- **Nợ vay tiếp tục ở mức thấp.** Giá trị nợ vay tại thời điểm 31/12/2025 ở mức 55 tỷ đồng là khoản vay ngắn hạn, tương đương giá trị cuối năm 2024. Hệ số D/E tiếp tục ở mức thấp 0,02 lần. Tổng giá trị nợ phải trả là 501 tỷ đồng (chiếm 15% tổng tài sản).

**Cơ cấu tài sản của BMP tại 31/12/2025 (tỷ VND)**



**Giá trị các khoản phải thu của BMP**



Nguồn: BMP, ABS Research

- **Chúng tôi nhận định triển vọng của BMP dựa trên các yếu tố:**
  - **Sản lượng ống nhựa tiêu thụ tiếp tục tăng trưởng.** Chúng tôi cho rằng sản lượng tiêu thụ ống nhựa vẫn ở trạng thái tích cực trong giai đoạn 2026 – 2027 nhờ nguồn cung BĐS tiếp tục gia tăng cũng như việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng trên khắp cả nước. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng BMP sẽ duy trì chiến lược bán hàng hiệu quả như thời gian vừa qua với chính sách chiết khấu lớn giúp cải thiện thị phần và sản lượng tiêu thụ.
  - **Biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức cao nhưng có thể giảm nhẹ từ nửa sau của năm 2026.** Nhìn chung, mặt bằng giá hạt nhựa PVC (nguyên liệu đầu vào chính của BMP) trong nửa đầu năm 2026 vẫn ở mức thấp do thị trường BĐS tại Trung Quốc tiếp tục ảm đạm khiến hoạt động xây dựng kém tích cực, nguồn cung PVC dư thừa tạo áp lực lên mặt bằng giá bán PVC. Tuy nhiên, gần đây, Trung Quốc đã quyết định bãi bỏ hoàn thuế xuất khẩu 13% đối với PVC, có hiệu lực từ 01/04/2026. Theo đó, giá PVC có thể sẽ chịu tác động và tăng lên và ảnh hưởng tới biên lợi nhuận gộp của BMP. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng ảnh hưởng này trong ngắn hạn là không quá lớn.
  - **Duy trì tình hình tài chính lành mạnh với tỷ lệ trả cổ tức cao.** Với vị thế tài chính tốt, lượng tiền lớn cùng hoạt động kinh doanh ổn định, chúng tôi cho rằng BMP sẽ tiếp tục duy trì mức trả cổ tức bằng tiền mặt cao trong các năm tới. Chúng tôi kỳ vọng BMP sẽ chi trả cổ tức tiền mặt cho năm tài chính 2025 ở mức gần 15.000 đồng/cổ phiếu, tương đương với mức lợi suất hấp dẫn khoảng hơn 9,5%. BMP đã liên tục duy trì mức chi trả cổ tức cao (gần 100% LNST) trong giai đoạn 2019 – 2024 do không có kế hoạch tái đầu tư mở rộng để gia tăng công suất.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của BMP đạt 1.351 tỷ đồng (+10% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 16.504 đ/cp và 36.372 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 9,5x và 4,3x lần tại mức giá giao dịch hiện tại; ROE dự kiến đạt 46,1%.
- BMP sở hữu vị thế là doanh nghiệp đầu ngành trong mảng nhựa xây dựng, với khả năng sinh lời mạnh mẽ, dòng tiền lành mạnh với tỷ lệ chi trả cổ tức cao. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu BMP với giá mục tiêu dự kiến đạt 183.200 đ/cp (+21,0% so với giá hiện tại).

## PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA BMP

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5.808</b>	<b>5.157</b>	<b>4.616</b>	<b>5.510</b>
Giá vốn hàng bán	(4.201)	(3.041)	(2.627)	(2.970)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.608</b>	<b>2.116</b>	<b>1.989</b>	<b>2.540</b>
Doanh thu tài chính	55	119	79	102
Chi phí tài chính	(158)	(146)	(162)	(231)
Chi phí bán hàng	(503)	(676)	(556)	(711)
Chi phí QLDN	(129)	(107)	(120)	(166)
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	<b>868</b>	<b>1.304</b>	<b>1.229</b>	<b>1.535</b>
Lãi/lỗ khác	3	3.1	11.6	4.1
Lợi nhuận trước thuế	871	1.307	1.241	1.539
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>694</b>	<b>1.041</b>	<b>991</b>	<b>1.229</b>
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>694</b>	<b>1.041</b>	<b>991</b>	<b>1.229</b>

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	799	1.603	901	1.216
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(145)	(174)	(248)	(379)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(469)	(966)	(970)	(1.044)
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	<b>186</b>	<b>463</b>	<b>(317)</b>	<b>(207)</b>
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	173	359	821	504
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>359</b>	<b>821</b>	<b>504</b>	<b>297</b>

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	5,49	4,75	5,40	5,70
Khả năng thanh toán nhanh	1,58	1,82	1,42	0,88
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,89	1,50	1,05	0,61
Khả năng thanh toán lãi vay	35.368	34.471	62.937	119.976
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,86	0,83	0,84	0,85
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,14	0,17	0,16	0,15
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,02	0,02	0,02	0,02

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	16,09	14,41	10,33	6,37
Số ngày phải trả	12,64	14,75	22,70	17,42
Số ngày tồn kho	52,09	56,55	57,67	61,13

Khả năng sinh lời	2022	2023	2024	2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	27,7%	41,0%	43,1%	46,1%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	14,9%	25,3%	26,6%	27,9%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	12,0%	20,2%	21,5%	22,3%
ROE	28,3%	39,2%	36,8%	44,0%
ROA	23,6%	33,0%	30,7%	37,4%
ROIC	34,6%	50,1%	50,2%	54,3%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	359	821	504	297
+ Đầu tư ngắn hạn	965	1.190	1.410	1.760
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	279	174	178	129
+ Hàng tồn kho	577	364	464	525
+ Tài sản ngắn hạn khác	36	44	41	47
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.215</b>	<b>2.594</b>	<b>2.596</b>	<b>2.758</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	20	20	20	20
+ Tài sản cố định	368	286	265	266
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	25	12	20	48
+ Đầu tư dài hạn	66	64	64	67
+ Tài sản dài hạn khác	350	279	236	219
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>830</b>	<b>661</b>	<b>604</b>	<b>620</b>

Tổng Tài sản	3.045	3.255	3.200	3.379
+ Vay ngắn hạn	55	55	55	55
+ Phải trả người bán	91	154	172	111
+ Nợ ngắn hạn khác	257	337	254	318
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>403</b>	<b>546</b>	<b>481</b>	<b>484</b>
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	20	19	18	18
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>18</b>	<b>18</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>423</b>	<b>565</b>	<b>499</b>	<b>501</b>
+ Vốn cổ phần	819	819	819	819
+ Thặng dư vốn cổ phần	2	2	2	2
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	599	667	679	855
+ Quỹ khác	0	0	0	0
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.621</b>	<b>2.690</b>	<b>2.702</b>	<b>2.877</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>3.045</b>	<b>3.255</b>	<b>3.200</b>	<b>3.379</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	27,6%	-11,2%	-10,5%	19,4%
Tăng trưởng LNST	224,9%	50,0%	-5,1%	24,1%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	128,4%	31,6%	-6,0%	27,7%
Tăng trưởng EPS	223,9%	49,9%	-4,8%	24,0%
Tăng trưởng VCSH	14,3%	2,6%	0,4%	6,5%
Tăng trưởng Tổng tài sản	7,3%	6,9%	-1,7%	5,6%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	12,83	9,85	14,34	10,56
P/B	3,40	3,81	5,26	4,51
EV/EBITDA	7,51	6,30	9,66	7,25
EV/Sales	1,48	1,84	2,98	2,31
EPS (đồng/cp)	8.481	12.717	12.103	15.010
BVPS (đồng/cp)	32.022	32.857	33.004	35.151

Nguồn: BMP, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

## Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huế - Phó Giám đốc**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường - Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ Công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminhh@abs.vn](mailto:anh.buiminhh@abs.vn)

**Bán lẻ, Hàng tiêu dùng**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tra hoi*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây